

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Q  
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2022/DS-ST

Ngày: 08-7-2022

V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH THANH HÓA

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thúy

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q ,  
tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện VKSND huyện Q , tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:** Ông Trần  
Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q , xét xử sơ  
thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2022/TLVA-DS ngày 04/01/2022 về  
“Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số  
04/2022/QĐST ngày 26/4/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐ-HPT  
ngày 12/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06A ngày 10/6/2022 của TAND  
huyện Q giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

Địa chỉ trụ sở chính: Số 02 đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba  
Đình, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Thành - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Thi Văn Tân - Chức  
vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam -  
Chi nhánh Nam Thanh Hóa (Theo quyết định ủy quyền số 2467/QĐ-NHNo.NTH-  
GD ngày 31/7/2020 của Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông  
thôn Việt Nam - Chi nhánh Nam Thanh Hóa).

Địa chỉ: Số 56, Phố 2, Thị trấn TP, huyện Q , Thanh Hóa

*- Bị đơn:* Ông Nguyễn H M, sinh năm 1965.

Nơi cư trú : Thôn 5, xã N, huyện Q , tỉnh Thanh Hóa

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phan T S, sinh năm 1968

Nơi cư trú : Thôn 5, xã N, huyện Q , tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có mặt, ông Nguyễn H M có đơn xin vắng mặt, bà Phan T S vắng mặt không rõ lý do.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Nam Thanh Hóa trình bày:*

Ngày 09/10/2019, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn ký hợp đồng tín dụng số 3519-LAV-201908034 ngày 09/10/2019 với ông Nguyễn H M, cụ thể: Ngân hàng đồng ý cho ông M vay số tiền: 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng); Thời hạn vay 12 tháng; Lãi suất vay vốn từ thời điểm nhận nợ đến hết ngày 31/12/2019 là 5,5 %/năm, từ ngày 01/01/2020 áp dụng lãi suất thỏa thuận là 7%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm quá hạn; Mục đích vay vốn: Chi phí chăn nuôi, kinh doanh buôn bán quy mô nhỏ.

Sau khi ký Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã thực hiện việc giải ngân cho khách hàng theo thỏa thuận vào ngày 09/10/2019 số tiền 300.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng).

Tài sản đảm bảo cho việc vay vốn theo Hợp đồng tín dụng trên là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 511, tờ bản đồ số 5, diện tích 398m, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 501600 do UBND huyện Q cấp ngày 04/10/2016, số vào sổ CH - 00709, mang tên ông Nguyễn H M và bà Phan T S (Địa chỉ: Thôn 5, xã N, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa) - Thể hiện tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3519/25/17/2019 ngày 08/10/2019 giữa Ngân hàng với ông Nguyễn H M và bà Phan T S, bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng số 3519-LAV 201908034 ngày 09/10/2019.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn H M đã vi phạm nghĩa vụ thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đối với Ngân hàng. Ngân hàng đã thông báo, làm việc trực tiếp với Ông M nhằm cùng ông M tìm cách tháo gỡ và khắc phục khó khăn tìm nguồn để trả nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên ông Nguyễn H M không có thiện chí trong việc trả nợ Ngân hàng như hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu ông M phải thanh toán toàn bộ số nợ tạm tính đến ngày 28/10/2021 là: 299.698.771đ (trong đó: gốc là 268.700.000đ; lãi trong hạn là 20.914.544đ; lãi quá hạn là 10.084.227đ).

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông M đã trả nợ được cho Ngân hàng thêm 8.000.000đ nợ gốc.

Tính đến ngày hôm nay (08/7/2022), ông M còn nợ Ngân hàng số tiền: 310.257.000đ (Trong đó: Nợ gốc là 260.700.000đ, lãi trong hạn là 33.285.000đ; lãi quá hạn là 16.272.000đ). Nay Ngân hàng buộc ông M phải trả toàn bộ số tiền

nợ như trên và lãi phát sinh theo Hợp đồng kể từ ngày 08/7/2022 cho đến khi ông M trả hết nợ. Trường hợp ông Nguyễn H M không trả được nợ trên, Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

*Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và phiên hoà giải, ông Nguyễn H M trình bày như sau:*

Ngày 09/10/2019, ông có ký Hợp đồng tín dụng số 3519-LAV-201908034 ngày 09/10/2019 với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam để vay số tiền: 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng); Thời hạn vay 12 tháng; Lãi suất vay vốn từ thời điểm nhận nợ đến hết ngày 31/12/2019 là 5,5 %/năm, từ ngày 01/01/2020 áp dụng lãi suất thỏa thuận là 7%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm quá hạn; Mục đích vay vốn: Chi phí chăn nuôi, kinh doanh buôn bán quy mô nhỏ. Ngân hàng đã giải ngân cho ông số tiền 300.000.000đ cùng ngày.

Quá trình thực hiện hợp đồng, do gia đình ông gặp khó khăn, dịch bệnh, chăn nuôi thua lỗ nên không trả nợ đúng hạn như hợp đồng được. Nay ông còn nợ Ngân hàng nợ gốc là 260.700.000đ và lãi phát sinh.

Ông có nguyện vọng xin được khất nợ đến cuối tháng 10/2022 ông sẽ thu xếp trả hết nợ cho Ngân hàng.

*Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan T S:* Quá trình giải quyết vụ án, bà S không có mặt tại địa phương, Toà án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà và Giấy triệu tập bà Phan T S. Bà S không có mặt theo Giấy triệu tập và Thông báo của Toà án. Theo bị đơn là ông Nguyễn H M trình bày: Hiện nay bà Phan T S (là vợ ông M) đang đi làm ăn, ông cũng không rõ địa chỉ cụ thể của bà S, ông không biết khi nào bà S về, ông đã gọi điện thông báo cho bà S biết việc Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu trả nợ, nếu không trả thì phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất của ông bà; thì bà S có nói là hiện tại rất khó khăn, chưa thể có tiền trả nợ, nên mong ngân hàng tạo điều kiện cho khất nợ đến cuối tháng 10/2022 vợ chồng sẽ cố gắng thu xếp trả hết nợ.

Quá trình Toà án giải quyết vụ án, phía Ngân hàng không đồng ý cho ông M khất nợ với lý do ông M đã nhiều lần khất nợ nhưng không thực hiện trả, gây khó khăn cho Ngân hàng trong việc thu hồi nợ.

*Quan điểm của Kiểm sát viên:*

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý

cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông M phải trả nợ toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng; trường hợp ông M không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về tố tụng:* Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt; bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã vắng mặt lần thứ 3 không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

*[2] Về nội dung hợp đồng:*

Căn cứ chứng cứ vụ án và nội dung các bên đương sự thừa nhận, có cơ sở xác định: Ngày 09/10/2019, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn ký hợp đồng tín dụng số 3519-LAV-201908034 ngày 09/10/2019 với ông Nguyễn H M, cụ thể: Ngân hàng đồng ý cho ông M vay số tiền: 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng); Thời hạn vay 12 tháng; Lãi suất vay vốn từ thời điểm nhận nợ đến hết ngày 31/12/2019 là 5,5%/năm, từ ngày 01/01/2020 áp dụng lãi suất thỏa thuận là 7%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm quá hạn; Mục đích vay vốn: Chi phí chăn nuôi, kinh doanh buôn bán quy mô nhỏ. Sau khi ký Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã thực hiện việc giải ngân cho khách hàng theo thỏa thuận vào ngày 09/10/2019 số tiền 300.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng).

Như vậy, giao dịch dân sự về hợp đồng tín dụng được xác lập bởi nguyên đơn, bị đơn là hợp pháp.

*[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

*[3.1]* Theo hợp đồng tín dụng và Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ: Thời hạn vay là 12 tháng (ngày trả nợ cuối cùng là 08/10/2020). Tuy nhiên, đến nay ông M vẫn chưa trả hết nợ. Bị đơn (ông M) thừa nhận mình đã vi phạm

nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng do chăn nuôi thua lỗ, gia đình gặp khó khăn nên chưa thể trả nợ cho Ngân hàng, mong ngân hàng tạo điều kiện cho ông đến cuối tháng 10/2022 trả nợ. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý tạo điều kiện trả nợ theo nguyện vọng của ông M vì phía Ngân hàng cho rằng ông M đã nhiều lần khát trả nợ nhưng không trả đúng hạn. Tính đến ngày xét xử (08/7/2022) ông M còn nợ Ngân hàng số tiền: 310.257.000đ (Trong đó: Nợ gốc là 260.700.000đ, lãi trong hạn là 33.285.000đ, lãi quá hạn là 16.272.000đ.)

Do vậy, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông M phải thanh toán nợ cho Ngân hàng là có căn cứ, phù hợp với Điều 463, 466 Bộ luật dân sự và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

*[3.2] Đối với yêu cầu tiếp tục tính lãi suất* theo Hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi ông M thanh toán xong khoản nợ là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị đơn phải tiếp tục chịu lãi suất theo Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

*[3.3] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng:*

Căn cứ theo quy định tại Điều 299, Điều 323, Điều 351 Bộ luật Dân sự năm 2015; điều 56, 58, 59 và 63 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Xét thấy, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3519/25/17/2019 ngày 08/10/2019 giữa Agribank Chi nhánh Nam Thanh Hóa với ông Nguyễn H M và bà Phan T S, bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng số 3519-LAV 201908034 ngày 09/10/2019 là đúng theo quy định của pháp luật; nên yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng là có cơ sở để chấp nhận. Vì vậy, sau khi án có hiệu lực pháp luật, trong trường ông M không trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Q , tỉnh Thanh Hoá phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

*[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:* Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí. Buộc ông Nguyễn H M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ:**

Điều a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đối với ông Nguyễn H M.

2. Buộc ông Nguyễn H M phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền tạm tính đến ngày xét xử (08/7/2022) là 310.257.000đ (Trong đó: Nợ gốc là 260.700.000đ, lãi trong hạn là 33.285.000đ, lãi quá hạn là 16.272.000đ.)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 3519-LAV-201908034.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nếu ông M không trả được số nợ trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Q , Thanh Hoá phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 511, tờ bản đồ số 5, diện tích 398m, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 501600 do UBND huyện Q cấp ngày 04/10/2016, sổ vào sổ CH - 00709, mang tên ông Nguyễn H M và bà Phan T S (Địa chỉ: Thôn 5, xã N, huyện Q , Thanh Hóa).

Trường hợp ông M thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho ông M và bà S Bản chính Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 501600 do UBND huyện Q cấp ngày 04/10/2016, sổ vào sổ CH - 00709, mang tên ông Nguyễn H M và bà Phan T S.

**Về án phí:**

Ông Nguyễn H M phải chịu 15.512.850đ (mười lăm triệu năm trăm mười hai nghìn tám trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 7.493.000đ (Bảy triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0009290, ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Q , tỉnh Thanh Hoá.

**Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn luật định

là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Q ;
- Chi cục THADS huyện Q ;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thanh Huyền**